SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH

Số: 3345 /QĐ-BVNDGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic Thuộc dự toán Mua sắm thuốc bổ sung năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Theo đề nghị của Khoa Dược tại tờ trình ngày 27/10/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán Mua sắm thuốc bổ sung năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán Mua sắm thuốc bổ sung năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Phòng Tài chính kế toán, Khoa Dược chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng Khoa Dược và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, Khoa Dược (TKN/4b).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH

Nguyễn Hoàng Hải

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM THUỐC BỔ SUNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3345 /QĐ-BVNDGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc bệnh viện Nhân dân Gia Định)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm (đồng)
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Bệnh viện Nhân dân Gia Định	Gói thầu thuốc Generic	Mua sắm thuốc bổ sung năm 2026	14.338.586.120 đồng	Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác.	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	180 ngày	Quý 4 năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17/08/2027	4.297.047.226 đồng
Tổng giá gói thầu: 14.338.586.120 đồng *(Số tiền bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm ba mươi tám triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn một trăm hai mươi đồng)*												

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH

PHỤ LỤC II
DANH MỤC GÓI THẦU THUỐC GENERIC

Đính kèm Quyết định số 3345/QĐ-BVNDGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Nhân Dân Gia Định

I. Gói thầu thuốc Generic

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền mua thêm
1	Aciclovir	Nhóm 2	250mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	120	246.900	29.628.000	36	8.888.400
2	Aciclovir	Nhóm 1	250mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	400	278.000	111.200.000	120	33.360.000
3	Acid Fructose-1,6-Diphosphoric	Nhóm 4	3,75 g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	2.400	264.600	635.040.000	720	190.512.000
4	Adrenalin	Nhóm 4	1mg/mlx1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	40.000	1.200	48.000.000	12.000	14.400.000
5	Albumin	Nhóm 1	5%; 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	20	1.402.000	28.040.000	6	8.412.000
6	Aztreonam	Nhóm 5	2g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	1.400	315.000	441.000.000	420	132.300.000
7	Betamethason dipropionat + Betamethason natri phosphat	Nhóm 1	6,43mg/ml + 2,63mg/ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	3.300	75.244	248.305.200	990	74.491.560
8	Bimatoprost	Nhóm 1	0,3mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	100	196.000	19.600.000	30	5.880.000
9	Bisoprolol fumarat	Nhóm 3	5mg	Uống	Viên	Viên	1.900.000	420	798.000.000	570.000	239.400.000
10	Bleomycin	Nhóm 4	15 đơn vị	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	10	420.000	4.200.000	3	1.260.000
11	Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	Nhóm 4	456mg + 426mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/gói	300.000	4.545	1.363.500.000	90.000	409.050.000
12	Carboprost	Nhóm 5	250mcg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	10	285.000	2.850.000	3	855.000
13	Chlorpheniramin maleat	Nhóm 4	4mg	Uống	Viên	Viên	108.000	26	2.808.000	32.400	842.400
14	Cisplatin	Nhóm 2	50mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	150	235.000	35.250.000	45	10.575.000
15	Clopidogrel	Nhóm 4	75mg	Uống	Viên	Viên	2.800.000	232	649.600.000	840.000	194.880.000
16	Clostridium botulinum type A toxin-Haemagglutinin complex	Nhóm 1	300 UI	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	5	4.800.940	24.004.700	1	4.800.940

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền mua thêm
17	Diazepam	Nhóm 1	10mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	200	17.950	3.590.000	60	1.077.000
18	Dopamin	Nhóm 4	200mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	200	22.050	4.410.000	60	1.323.000
19	Fenoterol hydrobromid + Ipratropium bromid	Nhóm 4	(0,05mg+0,02mg)/liều x 200 liều	Xịt	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/ống/bình	2.000	130.200	260.400.000	600	78.120.000
20	Fenticonazol nitrat	Nhóm 1	200mg	Đặt	Viên đặt âm đạo	Viên	2.000	21.000	42.000.000	600	12.600.000
21	Fluticasone furoat + Umeclidinium + Vilanterol	Nhóm 1	(100mcg + 62,5mcg + 25mcg)/liều chưa phóng thích; 30 liều	Hô hấp	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Chai/lọ/hộp	60	948.780	56.926.800	18	17.078.040
22	Gemcitabin	Nhóm 1	1g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	300	586.000	175.800.000	90	52.740.000
23	Gemcitabin	Nhóm 1	200mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	300	159.390	47.817.000	90	14.345.100
24	Hydrocortison	Nhóm 4	10mg	Uống	Viên	Viên	8.000	4.610	36.880.000	2.400	11.064.000
25	Imipenem + Cilastatin	Nhóm 4	0,5g + 0,5g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	8.000	40.970	327.760.000	2.400	98.328.000
26	Immunoglobulin	Nhóm 5	2,5g/50ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	1.000	2.350.000	2.350.000.000	300	705.000.000
27	Insulin người trộn (70/30)	Nhóm 1	100UI/ml; 3ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Bút Tiêm	2.000	162.500	325.000.000	600	97.500.000
28	Insulin người trộn (70/30)	Nhóm 5	100UI/ml; 3ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Bút Tiêm	6.000	105.000	630.000.000	1.800	189.000.000
29	Kẽm gluconat	Nhóm 4	10mg Kẽm/5ml; 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ	1.200	16.800	20.160.000	360	6.048.000
30	Lidocain	Nhóm 1	10%; 38g	Dùng ngoài	Thuốc phun mù/Thuốc xịt ngoài da	Chai/lọ	150	166.000	24.900.000	45	7.470.000
31	Malva purpurea + camphomonobromid + xanh methylen	Nhóm 4	250mg + 20mg + 25mg	Uống	Viên	Viên	1.000	4.996	4.996.000	300	1.498.800
32	Mebeverin hydroclorid	Nhóm 4	135mg	Uống	Viên	Viên	210.000	630	132.300.000	63.000	39.690.000
33	Meloxicam	Nhóm 4	7,5mg	Uống	Viên	Viên	300.000	84	25.200.000	90.000	7.560.000
34	Metformin hydroclorid	Nhóm 2	1000mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1.150.000	1.070	1.230.500.000	345.000	369.150.000
35	Nhũ dịch lipid	Nhóm 1	20%; 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	2.000	150.000	300.000.000	600	90.000.000

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền mua thêm
36	Nhũ dịch lipid	Nhóm 1	20%; 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	2.000	110.000	220.000.000	600	66.000.000
37	Nimodipin	Nhóm 1	10mg/50ml; 50ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	200	586.000	117.200.000	60	35.160.000
38	Nimodipin	Nhóm 4	30mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/gói	2.000	15.750	31.500.000	600	9.450.000
39	Omeprazol	Nhóm 4	20mg	Uống	Viên	Viên	400.000	131	52.400.000	120.000	15.720.000
40	Palbociclib	Nhóm 1	75mg	Uống	Viên	Viên	1.050	388.500	407.925.000	315	122.377.500
41	Palbociclib	Nhóm 1	100mg	Uống	Viên	Viên	1.050	399.000	418.950.000	315	125.685.000
42	Palbociclib	Nhóm 1	125mg	Uống	Viên	Viên	1.050	441.000	463.050.000	315	138.915.000
43	Paracetamol + Codein phosphat	Nhóm 4	500mg + 30mg	Uống	Viên	Viên	360.000	535	192.600.000	108.000	57.780.000
44	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	Nhóm 4	325mg + 37,5mg	Uống	Viên	Viên	200.000	465	93.000.000	60.000	27.900.000
45	Perindopril tert-butylamin hoặc Perindopril erbumin + Amlodipin	Nhóm 1	4mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	50.000	4.400	220.000.000	15.000	66.000.000
46	Pramipexol	Nhóm 1	0,35mg	Uống	Viên	Viên	7.200	12.000	86.400.000	2.160	25.920.000
47	Ribociclib	Nhóm 2	200mg	Uống	Viên	Viên	1.500	333.000	499.500.000	450	149.850.000
48	Sorbitol	Nhóm 4	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	196.800	625	123.000.000	59.040	36.900.000
49	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Nhóm 4	(400mg + 80mg)/5ml; 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	600	68.000	40.800.000	180	12.240.000
50	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Nhóm 4	400mg + 80mg	Uống	Viên	Viên	30.000	245	7.350.000	9.000	2.205.000
51	Suxamethonium clorid	Nhóm 1	100mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	600	75.000	45.000.000	180	13.500.000
52	Tacrolimus	Nhóm 1	5mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi	60	3.111.877	186.712.620	18	56.013.786
53	Tobramycin + Dexamethasone	Nhóm 1	(0,3% + 0,1%)/3,5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	300	52.300	15.690.000	90	4.707.000

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền mua thêm
54	Trong 1ml có chứa Globulin miễn dịch đặc hiệu từ ngựa có khả năng trung hòa độc tố của 0,4 mg nọc độc rắn Malayan Krait (Bungarus Candidus); 0,6mg nọc đọc rắn Cobra (Naja Kaouthia); 0,6 mg nọc độc rắn Banded Krait (Bungarus Fasciatus); 0,8mg nọc độc rắn King Cobra (Ophiophagus Hannah)	Nhóm 5	Trong 1ml có chứa Globulin miễn dịch đặc hiệu từ ngựa có khả năng trung hòa độc tố của 0,4 mg nọc độc rắn Malayan Krait (Bungarus Candidus); 0,6mg nọc đọc rắn Cobra (Naja Kaouthia); 0,6 mg nọc độc rắn Banded Krait (Bungarus Fasciatus); 0,8mg nọc độc rắn King Cobra (Ophiophagus Hannah)	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai	12	3.420.900	41.050.800	3	10.262.700
55	Vincristin sulfat	Nhóm 2	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/ống/chai/túi	28	189.000	5.292.000	8	1.512.000
56	Vitamin C	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên	Viên	210.000	150	31.500.000	63.000	9.450.000
57	Vitamin E	Nhóm 4	400UI	Uống	Viên	Viên	1.000.000	600	600.000.000	300.000	180.000.000
CỘNG		**57**							**14.338.586.120**		**4.297.047.226**

- Tổng số thuốc: 57 - Trị giá : 14.338.586.120

Nhóm 1	23	3.588.111.320 đồng
Nhóm 2	05	1.800.170.000 đồng
Nhóm 3	01	798.000.000 đồng
Nhóm 4	23	4.687.404.000 đồng
Nhóm 5	05	3.464.900.800 đồng

II. Tổng hợp

Tổng giá trị dự kiến của gói thầu: 14.338.586.120 đồng (Số tiền bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm ba mươi tám triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn một trăm hai mươi đồng).